

MỤC LỤC

Contents

- PHÙNG HỮU PHÚ
Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học theo tinh thần nghị quyết trung ương 8 khoá XI
Fundamental and Comprehensive Innovation of Vietnam Higher Education in Accordance with Standpoint of Resolution No8, Party Central Committee Term No11 5

- ĐẶNG ỨNG VẠN
Về đổi mới quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học
Innovation of State Management of Higher Education 12

- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHÂM
Làng – đô thị hiện nay và một số đặc điểm về lối sống
Current Urban-Villages And Some Characteristics Of The Life Styles 20

- LÊ VĂN HỸ
Sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu từ điểm nhìn văn học sử
Nguyen Dinh Chieu's Works from the Perspective of Historical Literature 33

- ĐỖ ĐÌNH THÁI
Khảo cứu văn hóa chất lượng trong giáo dục đại học châu Âu
Research on Quality Culture in European Higher Education 48

- TRỊNH XUÂN THU
Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học cần một triết lý về đào tạo
The Necessity of Education Philosophy for Fundamental and Comprehensive Innovation of Higher Education 54

- BÙI THỊ XUÂN LỰA
Tìm hiểu thực trạng giáo dục nhằm phát triển kỹ năng hợp tác của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề
Real Situation of Application of Collaborative Skills Development for Children Aged 5-6 by Means of Themed Role Play Games 59

- THÁI VĂN ANH - TRẦN THỊ THU MAI
Các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh
Factors Affecting the Learning Motivation of Students at Vietnam Buddhist Institute in Ho Chi Minh City 64

- ĐINH MỸ LINH
Hình tượng cá nhân của giới trẻ trên mạng xã hội: Những ảnh hưởng trong đời sống thực (trường hợp lứa tuổi thanh niên ở đô thị Việt Nam)
Personal Images of Youth in Social Network: Impacts on Real Life (The Case of Vietnamese Urban Youth) 70

- PHẠM NGỌC BẢO
Sự ngắt quãng từ phép chia ở lớp 2, 3 đến phép chia có thương là phân số ở lớp 4 và phương thức khắc phục
The Gaps between the Division in 2nd and 3rd Grades and the Division with Quotients as Fractions in 4th Grade 77

- DƯƠNG XUÂN GIÁP - NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA
Luật số lớn dạng hội tụ Mosco cho mảng các biến ngẫu nhiên đa trị, hoán đổi được theo hàng
The Mosco Convergence Law of Large Numbers for the Triangular Array of Row-wise Exchangeable Random Sets 82

- NGUYỄN THỊ DIỄM ANH
Chế định pháp luật thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam và những kiến nghị hoàn thiện
Legal Frameworks for Establishment of Enterprises in Vietnam and Some Recommendations for Improvement 90

SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TỪ ĐIỂM NHÌN VĂN HỌC SỬ

LÊ VĂN HỸ^(*)

TÓM TẮT

Bài viết tiếp cận Nguyễn Đình Chiểu từ góc nhìn của lý thuyết tiếp nhận, trong đó sử dụng phương pháp lịch sử - chức năng làm chủ đạo. Cứ liệu khảo sát là các công trình lịch sử văn học Việt Nam có đề cập đến Nguyễn Đình Chiểu được xuất bản ở Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay, từ công trình của Dương Quảng Hàm 1943 đến Nguyễn Văn Hào 2012.

Từ khóa: văn học sử, Nguyễn Đình Chiểu, lý thuyết tiếp nhận, văn học Việt Nam.

ABSTRACT

The article studies Nguyen Dinh Chieu from the perspectives of the receptive theory, which uses the history-function method as a decisive method. The survey data are the historical literary works on Nguyen Dinh Chieu published in Vietnam from the early twentieth century to the present, from the works of Duong Quang Ham in 1943 to the works of Nguyen Van Hau in 2012.

Keywords: historical literature, Nguyen Dinh Chieu, the receptive theory, Vietnamese literature.

1. NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU DƯỚI GÓC NHÌN CỦA CÁC CÔNG TRÌNH VĂN HỌC SỬ TRƯỚC 1954

Khái niệm văn học sử, lịch sử văn học được sử dụng trong bài viết này có nội hàm tương đương nhau. Người viết tán thành ý kiến của các tác giả *Từ điển thuật ngữ văn học* 1992, bên cạnh đó có tham khảo ý kiến về khái niệm này trong *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam - 1957*, *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam - 1957*, *Các vấn đề của khoa học văn học - 1990*, *Văn học sử những quan niệm mới những tiếp cận mới - 2001*, *Phương pháp luận nghiên cứu văn học - 2009* và ý kiến của các tác giả như Phạm Thế Ngũ 1965, Thanh Lăng 1967 và Huỳnh Vân - 2010 trong bài *Hans Robert Jauss: Lịch sử văn học là lịch sử tiếp nhận*.

Trong các công trình văn học sử trước 1945, Nguyễn Đình Chiểu được nghiên cứu về nhiều mặt, nhiều góc nhìn khác nhau. Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX, nhất là từ sau 1930, bước vào quá

trình hiện đại hoá. Sự ra đời của các đô thị lớn, sự phát triển của báo chí đã góp phần quyết định đến sự sôi động của đời sống nghiên cứu phê bình văn học Việt Nam trước 1945. Khoa nghiên cứu văn học Việt Nam, trong đó có bộ môn lịch sử văn học từ sau khi tiếp xúc với nền học thuật phương Tây đã có một sự thay đổi. Theo Nguyễn Văn Hoàn, sự tiếp xúc ban đầu là qua tiếng Pháp và sách báo bằng tiếng Pháp, tiếp đó là qua hệ thống trường học, trong đó môn văn học giới thiệu hầu hết các trường phái phê bình văn học Pháp, nhất là cuốn *Lịch sử văn học Pháp* của Gustave Lanson được sử dụng làm sách giáo khoa suốt thời Pháp thuộc đã có một ảnh hưởng nổi bật ở Việt Nam mà giai đoạn đầu, tiêu biểu là Dương Quảng Hàm với công trình *Việt Nam văn học sử yếu* (1943). Là một nhà giáo, có làm công tác biên khảo và dịch thuật, ông đồng thời là nhà văn học sử với công trình vừa dẫn. Đây là bộ văn học sử đầu tiên do người Việt viết nên nó có một ý nghĩa khá đặc biệt. Trước đó, Phan Trần Chúc công bố công trình văn

^(*) ThS, Tạp chí Vietnam Logistics Review.

học sử *Văn chương quốc âm thế kỉ XIX* (194) giới thiệu qua về Nguyễn Đình Chiểu và truyện *Lục Vân Tiên* với những đánh giá sơ lược, còn nhiều nhầm lẫn về năm sinh và tác phẩm của cụ Đồ. Nhìn chung nó không có gì mới đối với người đương thời cả về phương diện tư liệu lẫn phương pháp tiếp cận. “Việt Nam văn học sử yếu tạo ra một mốc son trong lịch sử văn học sử Việt Nam, có ý nghĩa khai mở và là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho thế hệ sau mà bằng chứng là cho đến năm 1968, nó đã được tái in lần thứ 10 và đến năm 2002 vẫn còn tiếp tục được tái bản. Dương Quảng Hàm còn có một số công trình nghiên cứu, biên khảo khác có đề cập đến cụ Đồ như: *Việt Nam thi văn học tuyển* (1943), *Văn học Việt Nam, Quốc văn trích diễm* nhưng tiêu biểu nhất vẫn là *Việt Nam văn học sử yếu*. Trong bộ văn học sử này, tác phẩm của cụ Đồ được khảo sát là truyện thơ *Lục Vân Tiên* ở chương 19 *Các truyện nôm khác...* Tác giả Nguyễn Đình Chiểu thì được xếp vào khuynh hướng đạo lí của chương 20: *Các nhà viết văn nôm về thế kỉ thứ XIX*. Như vậy, đến lúc này, con người và sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đã hiện diện chính thức trong nhà trường thời Pháp thuộc qua bộ văn học sử đầu tiên của nền học thuật nước nhà. *Việt Nam văn học sử yếu* chịu ảnh hưởng phương pháp văn học sử phương Tây khá rõ nét, đó là: “... phương pháp phê bình đại học của Brunetiere và phương pháp phê bình văn học của Gustave Lanson” (Lê Quang Tu, 2009, trang 61). Trong công trình này, Dương Quảng Hàm đã sử dụng khá sớm phương pháp so sánh văn học. Tuy nhiên, đã có nhà nghiên cứu như Hà Thanh Vân lưu ý rằng phương pháp so sánh văn học của Dương Quảng Hàm không trùng khớp với phương pháp luận văn học so sánh hiện đại.

Cách mạng tháng Tám đã khai sinh ra nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà non trẻ và ngay sau đó phải bước vào cuộc

kháng chiến trường kì 9 năm. Cuộc cách mạng mùa thu đã mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kỉ nguyên độc lập tự chủ và chủ nghĩa xã hội. Một nền văn học mới đã ra đời trong những điều kiện khắc nghiệt của chiến tranh, nên văn học cách mạng dần xuất hiện với phương châm: dân tộc khoa học và đại chúng. Các nhà văn trở thành chiến sĩ và văn hoá văn nghệ cũng là một mặt trận như lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát biểu năm 1951. Giai đoạn này có tính chất *nhận đường* như tên một bài viết của Nguyễn Đình Thi. Trong hoàn cảnh ấy, sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đã trở thành một trong những nguồn mạch và là nguồn cổ vũ nhiệt thành cho các chiến sĩ trên mặt trận văn hoá văn nghệ. Trong bối cảnh chung của đất nước, sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu cũng đã bắt đầu những chặng đường mới trong hành trình số phận của mình. Sự tác động của lí luận văn học cách mạng và ảnh hưởng của tư tưởng dân tộc, khoa học, đại chúng nổi bật trong thời kì này đối với các công trình nghiên cứu lịch sử văn học ở các đô thị bị tạm chiếm là một thực tế có thể quan sát được qua các công trình xuất bản vào giai đoạn này.

Dựa vào những tài liệu hiện còn và đã được công bố, ta có thể nhận thấy những nghiên cứu tiêu biểu về Nguyễn Đình Chiểu qua các công trình văn học sử sau đây.

Việt Nam văn học sử trích yếu của Nghiêm Toàn (1949), bộ sách này gồm 2 tập được nhà sách Vĩnh Bảo ấn hành tại Sài Gòn. Tiêu chí phân loại của công trình này dựa vào ngôn ngữ và thể loại văn học. Nguyễn Đình Chiểu được xếp vào mục *Thi ca có liên lạc mật thiết với thời cục* và mục *Trường thiên tiểu thuyết* thuộc phần thứ ba: *Văn học vừa bình dân vừa bác học chữ Nôm và chữ Quốc ngữ*. Nghiêm Toàn cho rằng những tác phẩm này “... sẽ là gương phản chiếu tâm trạng người mình trong một giai đoạn lịch sử đầy phần hận, đau

thương” [12, tr.177]. Lập trường của tác giả bộ sách thể hiện khá rõ trong lời *Tựa* - lần xuất bản thứ nhất: “Văn học là phản ánh của xã hội, do tự dân chúng phát sinh và phải luôn luôn quay về dân chúng mới đủ năng lực trưởng thành; văn học Việt Nam theo hai động lực phát triển nhíp nhàng: a) tranh đấu, và b) dân chúng hoá” [12, tr.8]. Không khó khăn gì để nhận thấy sự gần gũi của những tuyên bố này với lập trường, phương châm dân tộc khoa học và đại chúng đang lưu hành rộng rãi trong văn nghệ vùng kháng chiến giai đoạn này. “Quan niệm văn học này tương đối mới so với các nhà văn học sử đương thời. Dấu ấn bước đầu ảnh hưởng chủ nghĩa Mác - Lênin đã xuất hiện ở đây” [5, tr.66].

Văn học sử Việt Nam hậu bán thế kỉ thứ XIX (1952) của Nguyễn Tường Phượng - Bùi Hữu Sùng nằm trong dự định bộ sách 6 cuốn về văn học từ trước thế kỉ 19 đến văn học hiện đại nhưng do những biến động thời cuộc mà bộ này chỉ mới xuất bản được 2 cuốn: *Văn học sử tiền bán thế kỉ XIX*, *Văn học sử hậu bán thế kỉ XIX*. Dù mang tên là một bộ văn học sử nhưng tác giả chỉ thừa nhận và thực tế đây chỉ là tài liệu giáo khoa bậc trung học lưu hành trong vùng tạm chiếm của Pháp ở các tỉnh phía Bắc giai đoạn 1945-1954. Các tác giả *Văn học sử Việt Nam hậu bán thế kỉ thứ XIX* đã nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu ở hai khuynh hướng văn chương đạo lí và văn chương thời thế. Phải thừa nhận rằng cách phân chia giai đoạn văn học này không có gì mới so với những người đi trước như Dương Quảng Hàm, Nghiêm Toàn nhưng cái mới ở công trình này là lần đầu tiên ngoài *Lục Vân Tiên* các tác phẩm như *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, thơ và văn tế như: *Trung thần nghĩa sĩ*, *Điều lục tinh sĩ dân văn*, *Văn tế vong hồn mộ nghĩa*, *Văn tế Trương Định* đã được đưa vào và bước đầu ghi nhận về mặt nội dung yêu nước. Điều đó cho thấy rằng có sự khác biệt nhất định trong việc chú ý đến hay không chú ý đến

một số sáng tác nào đó của Nguyễn Đình Chiểu giữa Dương Quảng Hàm với Nghiêm Toàn, Nguyễn Tường Phượng - Bùi Hữu Sùng, tức giữa hai giai đoạn nghiên cứu lịch sử văn học trước và sau năm 1945. Điều đó không có gì khó hiểu khi lịch sử xã hội và tình hình tư tưởng, văn hoá đã có những thay đổi, đã xuất hiện những quan điểm và lí luận văn hoá, văn học mới ở vùng kháng chiến. Cụ thể có thể thấy trong khi Dương Quảng Hàm không đề cập đến thơ văn yêu nước chống Pháp thì Nghiêm Toàn lại xếp ông vào khuynh hướng Thi ca có liên lạc mật thiết với thời cục còn Nguyễn Tường Phượng - Bùi Hữu Sùng, ngoài việc chú ý đến những tác phẩm có nội dung yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu cũng đã ghi nhận ông còn thuộc khuynh hướng văn chương thời thế, tức văn chương gắn với thời cuộc của đất nước. Tiến trình lịch sử của sự tiếp nhận sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu trước và sau cách mạng tháng tám năm 1945 đã có những sự thay đổi nào đó do chịu ảnh hưởng của những điều kiện lịch sử xã hội và tư tưởng của mỗi thời kì.

Công trình của Nguyễn Tường Phượng - Bùi Hữu Sùng, Nghiêm Toàn, tuy chưa tạo ra đột phá về phương pháp tiếp cận và tư liệu cũng như chưa tạo ra một cách đọc mới đối với các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu nhưng đã đặt nền móng, có tính chất dò đường và kể cả khi chưa thành công nó cũng có một ý nghĩa nhất định. Rất tiếc là sau ngày hoà bình lập lại ở miền Bắc và cả sau ngày thống nhất đất nước 1975, hai công trình của Nguyễn Tường Phượng - Bùi Hữu Sùng, Nghiêm Toàn ít được nhắc đến và rơi vào lãng quên một cách oan uổng, mãi đến sau ngày đổi mới tên tuổi các tác giả cũng như những công trình này mới được nhìn nhận lại, tiêu biểu là việc được đưa vào trong *Từ điển văn học* (bộ mới - 2004).

Khởi thảo văn học sử Việt Nam - Văn chương chữ Nôm (1953) là quyển thứ 2

trong dự định biên soạn bộ văn học sử của Thanh Lãng nhưng vì nhiều lí do, dự định này không thành. Trong công trình này, văn chương chữ Nôm được xem xét trong tiến trình lịch sử văn học Việt Nam ở ba thời kì: khôi thai, phát đạt và toàn thịnh. Theo quan điểm của Thanh Lãng thì Nguyễn Đình Chiểu thuộc nhóm các nhà làm truyện, bên cạnh các thi sĩ và các nhà làm văn tế thuộc thời đại toàn thịnh. Công trình chỉ khảo sát *Lục Vân Tiên*, các sáng tác khác chỉ nêu tên mà không đề cập nội dung. Sau khi giới thiệu qua về tác giả, nguồn gốc, lược truyện, luân lí, triết lí và nghệ thuật truyện *Lục Vân Tiên*, Thanh Lãng kết luận: “Nếu nghệ thuật viết truyện chỉ là để tả được hết tình ý của mình thì Đồ Chiểu quả có một nghệ thuật cao!” [19, tr.206]. Tiêu chí phân loại của Thanh Lãng là ngôn ngữ, bên cạnh chữ Nôm là chữ Hán và sau là chữ Quốc ngữ, cách phân chia truyện Nôm là theo tiêu chí có tác giả và vô danh (còn gọi là hữu danh và khuyết danh). Hạn chế của cách phân chia này là chỉ cần tìm ra tác giả là có ngay sự thay đổi, tính ổn định không cao. Sau này, các nhà văn học sử ở miền Bắc như Nguyễn Lộc và nhóm Lê Quý Đôn có cách phân chia khác là bình dân và bác học. Các tác phẩm khác của Nguyễn Đình Chiểu được Thanh Lãng đề cập đến trong *Bảng lược đồ văn học Việt Nam, quyển hạ 1862-1945*. Giai đoạn 1945-1954 còn được gọi là giai đoạn chống Pháp, nhận đường. Giai đoạn này vì nhiều lí do như chiến tranh liên miên và ngày càng khốc liệt nên chưa có điều kiện giới thiệu các phương pháp tiếp cận cũng như những cách đọc mới các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, nhưng những cố gắng của các nhà nghiên cứu giai đoạn này đã tạo cơ sở, tiền đề và những bước đi đầu tiên cho những thành tựu ở cả hai miền Nam - Bắc sau này.

2. NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU QUA CÁI NHÌN CỦA VĂN HỌC SỬ GIAI ĐOẠN 1954-1975

2.1. Nguyễn Đình Chiểu dưới góc nhìn của văn học sử miền Bắc xã hội chủ nghĩa

Từ Hội nghị Geneve, hoà bình đã được lập lại ở miền Bắc, vĩ tuyến 17 sông Bến Hải đã chia Việt Nam thành hai miền Nam-Bắc với hai chế độ chính trị xã hội khác nhau. Miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và hoàn thành sứ mệnh lịch sử này vào ngày 30-4-1975.

Dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, quan niệm mỗi nhà văn là một chiến sĩ trên mặt trận văn hoá văn nghệ vẫn được tiếp tục và duy trì, mỗi nhà văn là một nghệ sĩ công dân. Định hướng này chi phối toàn bộ nền văn học, dĩ nhiên bao gồm cả định hướng toàn bộ quá trình nghiên cứu và khai thác di sản truyền thống, trong đó có Nguyễn Đình Chiểu. Ngay khi vừa lập lại hoà bình, ở miền Bắc, mỗi năm đều có các hoạt động kỉ niệm ngày sinh và ngày mất Nguyễn Đình Chiểu trên báo chí và các hoạt động khác nhưng nổi bật hơn cả là các hoạt động kỉ niệm 75 năm ngày mất và 150 ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu. Có thể thấy cột mốc năm 1963 và 1972 là thời điểm ghi dấu những đỉnh cao trong lịch trình tiếp nhận cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Có thể chọn hai cột mốc này để chia quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu trong đời sống nghiên cứu, phê bình ở miền Bắc từ 1954 đến 1975 làm 2 giai đoạn: 1954 – 1963 và 1963 và 1975. Giai đoạn 1954 – 1963, đỉnh cao trong quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu là các công trình văn học sử có tên *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam* và *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*.

Vũ Đình Liên là người phụ trách phần viết về Nguyễn Đình Chiểu trong bộ *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam*, tập II và III. Nguyễn Đình Chiểu được khảo sát ở giai đoạn nửa đầu và nửa cuối thế kỉ XIX. Ở giai đoạn nửa đầu thế kỉ (tập II) đề cập đến tiểu sử nhà thơ và tác phẩm *Lục Vân Tiên*, soạn giả cho rằng *Lục Vân Tiên* trước hết là

một truyện luân lí, đạo đức. Về nghệ thuật thì truyện này mang đậm tính chất nhân dân và đại chúng. Giai đoạn nửa cuối (tập III) thì khảo sát *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* và các tác phẩm thuộc thơ văn yêu nước khác nhưng không đề cập đến *Dương Từ - Hà Mậu*. Tác giả công trình này cho rằng *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* là một cuốn sách về y học nhưng có giá trị tư tưởng cao và có giá trị nghệ thuật đáng kể. Năm 1958, chuyên luận *Nguyễn Đình Chiểu nhà thơ yêu nước miền Nam* được viết lại và xuất bản dưới tên mới *Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888)* do Hoài Thanh viết lời tựa. Đáng chú ý nhất là trong công trình này, tác giả cho rằng: “*Tư tưởng yêu nước, một hình thức mới trong hoàn cảnh mới của tư tưởng nhân nghĩa đạo đức của Nguyễn Đình Chiểu đã thay thế cho tư tưởng trung hiếu tiết nghĩa trong truyện Lục Vân Tiên. Tư tưởng nhân nghĩa được nâng cao lên, nhưng lại mất một phần tính chất lạc quan tươi sáng*” [23 – 86,87]. Trong chuyên luận này, tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu* vẫn chưa được khảo sát chi tiết. Phải đến 8/1963 nhà nghiên cứu mới công bố bài viết về tác phẩm này trên *Tạp chí Văn học: Bước đầu tìm hiểu Dương Từ - Hà Mậu qua những tài liệu chúng ta hiện có*. Theo tác giả, tác phẩm này được Nguyễn Đình Chiểu sáng tác ở Tân Thuận vào những năm 1859-1860. Chủ đề của tác phẩm là phê phán xã hội phong kiến suy tàn, đánh thức ý thức cảnh giác với âm mưu của thực dân xâm lược trên vấn đề tôn giáo. Các ý kiến này được tiếp tục khẳng định trong *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam - giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX* (1964), phần viết về Nguyễn Đình Chiểu vẫn do Vũ Đình Liên chấp bút. *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam - giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX* đã chia cuộc đời sáng tác Nguyễn Đình Chiểu làm hai giai đoạn chính: a) Giai đoạn 1849-1858, từ khi nhà thơ bị mù đến lúc Pháp đánh Nam Bộ, *Lục Vân Tiên* được sáng tác trong giai đoạn này; b) Giai đoạn từ 1858

đến cuối đời, giai đoạn này lại chia làm 2 chặng: từ 1858-1870, thơ văn mang tinh thần chiến đấu, tích cực và lạc quan. Chặng từ 1870 đến cuối đời, thơ văn nói về cuộc chiến đấu của nhân dân và lòng căm thù giặc ít đi (Vũ Đình Liên, 1964, trang 66-67). Như vậy, với Vũ Đình Liên - trên phương diện là nhà nghiên cứu - thì đối tượng mà ông quan tâm nhiều nhất là tác giả Nguyễn Đình Chiểu. Có thể nói, ông là một trong số ít chuyên gia hàng đầu về nhà thơ mù xứ Nam kì lục tỉnh. Chuyên luận *Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888)* cùng với phần viết về Nguyễn Đình Chiểu trong bộ *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam - giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX* là những cột mốc mới trong tiến trình lịch sử tiếp nhận thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu. Với các công trình sưu tầm, chú thích về các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, ông cùng các nhà nghiên cứu trong nhóm biên soạn đã tạo nên một mặt bằng tư liệu mới cho người đọc khi tiếp cận tác phẩm của cụ Đồ, để từ đó tạo ra những cách đọc ngày càng chính xác, đầy đủ, khách quan và toàn diện hơn trong hành trình đọc Nguyễn Đình Chiểu. Lịch sử tiếp nhận các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đến đây đã chuyển sang một giai đoạn mới với việc tiếp thu và vận dụng những yêu cầu của một phương pháp biên soạn lịch sử văn học mới đặt trên cơ sở của những nguyên lí lí luận văn học mácxít, đồng thời cũng cho thấy có sự đáp ứng những đòi hỏi của công tác chính trị-tư tưởng của cuộc cách mạng ở miền Bắc và cuộc đấu tranh giải phóng ở miền Nam. Đó có thể nói là khuynh hướng chung và rõ ràng – rất là may mắn – lại chứng tỏ không chỉ phù hợp mà còn rất hữu hiệu đối với việc tiếp nhận các sáng tác chủ yếu của cụ Đồ.

Để đáp ứng nhu cầu của đa số độc giả, những người không chuyên nghiên cứu văn học muốn có một cái nhìn tổng quan về tiến trình phát triển văn học Việt Nam cùng với những đặc điểm và tác giả, tác phẩm

ưu tú nhất của nó, Nhà xuất bản Khoa học xã hội đã cho ra mắt công trình *Lịch sử văn học Việt Nam (sơ giản - 1961)* do Văn Tân - Nguyễn Hồng Phong biên soạn. Công trình này do tính chất, mục đích riêng nên phần về Nguyễn Đình Chiểu (do Văn Tân phụ trách) chỉ được khảo sát ở giai đoạn nửa cuối thế kỉ 19, bộ phận văn học yêu nước bên cạnh tác giả Phan Văn Trị và các tác giả khác. Sau khi giới thiệu sơ lược về tiểu sử, cũng chỉ khảo sát trên bộ phận văn tế. Công trình này tuy có chỗ đại đồng tiểu dị nhưng có thể xem là phiên bản rút gọn của bộ *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* xuất bản trước đó.

Một công trình văn học sử khác về giai đoạn văn học Việt Nam thế kỉ 19 là *Giáo trình lịch sử văn học Việt Nam*, tập IV, xuất bản năm 1962 do Phan Côn và Lê Trí Viễn biên soạn. Đề cập đến Nguyễn Đình Chiểu ở chương III, sau khi giới thiệu về thân thế sự nghiệp, nội dung thơ văn, người viết làm sáng tỏ tư tưởng yêu nước và lòng yêu dân thiết tha của Nguyễn Đình Chiểu. Các nhà nghiên cứu cho rằng ông có một cách nhìn mới mẻ về người nông dân, ca ngợi các lãnh tụ nghĩa quân và triệt để chống bọn tay sai chia cắt đất nước.

Nhìn chung về tình hình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu trong giai đoạn này có thể nhận thấy, chính nội dung của cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc đã định hướng việc tiếp nhận những giá trị nội dung của văn chương cụ Đồ, mà tiêu biểu là việc khai thác và đề cao bộ phận thơ và văn tế, còn được gọi là thơ văn yêu nước chống Pháp.

Một trong những tiểu luận nổi bật trong sách *Nguyễn Đình Chiểu tám gương yêu nước và lao động nghệ thuật là Truyền thống quật cường của Nam Bộ Việt Nam với tinh thần đấu tranh của Nguyễn Đình Chiểu* của Ca Văn Thỉnh. Tác giả bài viết đã khảo sát Nguyễn Đình Chiểu trong truyền thống lịch sử, văn hoá, văn học Nam bộ, và quan niệm Nguyễn Đình Chiểu là

một nhà thơ chiến đấu vì nghĩa cả và tinh thần đấu tranh ấy bắt nguồn từ truyền thống quật cường của dân tộc, với sắc thái địa phương Nam Bộ (Ca Văn Thỉnh, 1973, trang 147). Tác giả tiểu luận là một nhà nghiên cứu có uy tín và là đồng hương với nhà thơ nên có sự am hiểu sâu sắc về con người, văn hoá và văn học địa phương này. Hơn nữa, nguồn tư liệu tác giả sử dụng là do con trai cụ Đồ - ông Nguyễn Đình Chiêm - cung cấp. Do vậy những luận điểm đưa ra trong bài viết này có một sức thuyết phục, trước nhất là ở giá trị tư liệu.

Tình hình nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu giai đoạn này đã được Vũ Đức Phúc nhận xét là *vừa thừa quá lại vừa thiếu quá*. Ông trình bày sơ lược về tình hình nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu trong thời gian qua ở các bình diện tiểu sử, cuộc đời, quá trình sáng tác, văn bản, quá trình phát triển của tư tưởng và nghệ thuật và cho rằng việc nghiên cứu cho đến lúc này (1972) là thiên về tĩnh hơn là động. Các ý kiến trong bài viết này đã nhìn nhận thực trạng nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu trong thời gian qua và đề ra phương hướng cho thời gian tới, những ưu điểm sẽ được phát huy và nhược điểm đã được khắc phục mà kết quả có thể thấy rõ trong hội thảo sau đó 10 năm (1982) tại Bến Tre. Cho đến nay, nhiều phương diện mà Vũ Đức Phúc nêu ra đã được khắc phục nhưng trên bình diện nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu - nhà giáo vẫn chưa có chuyển biến gì so với 40 năm trước. Thực tế đó phản ánh khá rõ nét trong các công trình văn học sử giai đoạn này. Đó là một thực tế trong quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu cần phải thừa nhận và xem xét.

Các kết quả nghiên cứu mà biểu hiện của nó là qua các công trình văn học sử ở miền Bắc giai đoạn này đã tiếp tục hoàn chỉnh một chân dung văn học Nguyễn Đình Chiểu. Tư tưởng nhân nghĩa nhân dân và lòng yêu nước thiết tha đau đáu của cụ Đồ đã tạo ra sự cảm thông và cộng hưởng giữa

nội dung nhân văn của tác phẩm và ý hướng chung của thời đại. Và chính bối cảnh thời đại đã tạo nên một mặt bằng văn hoá mới, một tâm đón nhận khác trước, quy định ý nghĩa và tư tưởng các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu - vốn tồn tại dưới dạng tiềm năng - trở thành những giá trị trong mối quan hệ với thực tiễn đời sống, tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho dân tộc vượt qua những chặng đường mới. Nói cách khác, quá trình tiếp nhận giai đoạn này diễn ra theo một quan hệ hai chiều thông điệp của tác phẩm tìm gặp thời đại của nó và chính thời đại ấy cũng làm sống lại những giá trị của quá khứ để tăng thêm sức mạnh cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và chiến tranh giải phóng dân tộc thống nhất đất nước. Sau ngày hoà bình lập lại, trên miền Bắc, hai câu thơ *Bao giờ thánh đế ân soi xét/ Một trận mưa nhuần rửa núi sông* sẽ được đọc hiểu theo một ý vị khác trước và sau 1975 thì ý vị này càng được đẩy đi xa hơn nữa theo chiều hướng viên mãn.

Một đặc điểm chung của quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu trong giai đoạn 1954-1975 tại miền Bắc xã hội chủ nghĩa có thể dễ dàng nhận thấy là phương hướng nghiên cứu khá thống nhất: phục vụ sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước trước mắt. Do vậy, có thể thấy trong các bình diện của Nguyễn Đình Chiểu thì bình diện nhà thơ chiến sĩ, nhà yêu nước được khẳng định với số lượng bài nghiên cứu áp đảo so với bình diện nhà thơ nghệ sĩ ngôn từ hay nhà giáo, lương y.

Một đặc điểm khác thường thấy xuất hiện - có thể gọi là tập quán khoa học, trong các bài viết - công trình xuất bản ở miền Bắc giai đoạn 1954-1975 (kể cả các nghiên cứu của học giả nước ngoài công bố trong nước tại thời điểm này) là cuối bài thường có liên hệ thực tiễn và phê phán với cảm hứng không khoan nhượng đối với chế độ Việt Nam cộng hoà trên các mặt thể chế, nhân vật và cả hoạt động nghiên cứu

không chỉ về cụ Đồ.

Di sản của Nguyễn Đình Chiểu được khai thác và tiếp cận theo tinh thần câu thơ của Tố Hữu: *Bốn mươi thế kỉ cùng ra trận* và phương hướng này cũng như phương pháp tiếp cận theo quan điểm mácxít mà cụ thể là phương pháp xã hội học mácxít ngày càng chặt chẽ và nhuần nhuyễn, thuần thực hơn.

2.2. Nguyễn Đình Chiểu qua các công trình văn học sử tại miền Nam từ sau năm 1954 đến ngày thống nhất đất nước

Hà Như Chi trong *Việt Nam thi văn giảng luận* (1960) khi khảo sát văn học triều Nguyễn thế kỉ 19 - thuộc dòng *văn chương vừa bác học vừa bình dân* đã đề cập đến Nguyễn Đình Chiểu trên các bình diện *nhà chí sĩ* với các bài thơ điệu và văn tế, bên cạnh đó là *nhà văn dạy đời và bệnh vực cho luân lí cổ truyền* với *Lục Vân Tiên*. Hà Như Chi quan niệm: "Nguyễn Đình Chiểu viết *Lục Vân Tiên* vừa làm cái công việc giáo hoá truyền bá tư tưởng nho học đang bị lu mờ dưới ảnh hưởng của thời thế, lại vừa gởi vào tác phẩm một tâm sự" [3, tr.676]. Tâm sự đó là xã hội Lục Vân Tiên cũng là xã hội Nguyễn Đình Chiểu; nhân vật Lục Vân Tiên mang tâm sự Nguyễn Đình Chiểu. Ngoài nhân vật chính còn có nhân vật phụ mang tâm sự của cụ Đồ, đó là Vương Tử Trực, Hồn Minh và ông quán.

Đáng chú ý nhất ở giai đoạn này là hai công trình văn học sử của Phạm Thế Ngũ và Thanh Lăng.

Việt Nam văn học sử giản ước tân biên của Phạm Thế Ngũ gồm 3 tập được xuất bản trong những năm từ 1961-1965. Tuy sử dụng cột mốc 1862 để phân chia văn học lịch triều và văn học hiện đại nhưng cách phân kì văn học của Phạm Thế Ngũ là lịch triều (triều đại) như: thời kì sơ khởi Trần Lê, thời kì phát triển Mạc Tây Sơn, thời kì thịnh đạt triều Nguyễn; và ngôn ngữ, thể loại như tiếng Việt, văn Nôm. Có thể thấy rõ là cách phân kì này là kết hợp

dựa vào tiêu chí triều đại và ngôn ngữ, thể loại nhưng thiên về về sau hơn. Phạm Thế Ngũ khảo sát Nguyễn Đình Chiểu ở thời Nguyễn, mục các nhà văn Nôm. Theo Phạm Thế Ngũ, văn nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu có thể chia làm hai phần: trước và sau con quốc biến. Trước quốc biến gồm có *Lục Vân Tiên* và *Dương Từ - Hà Mậu*, sau quốc biến có thơ và văn tế. Ở công trình này, Phạm Thế Ngũ chỉ khảo sát phần trước quốc biến và cũng chỉ khảo sát mỗi truyện thơ *Lục Vân Tiên* và các nhận xét về truyện thơ này cũng không có gì khác với người đi trước cũng như người cùng thời, vẫn là phương pháp thực chứng, tiểu sử tác giả. Tuy nhiên, nhà nghiên cứu này không đánh giá cao phần sáng tác sau 1858, tuy có đề cập bộ phận thơ và văn tế nhưng hết sức sơ lược vì "...phần thơ văn này không quan trọng là bao... Nguyễn Đình Chiểu có sống trong văn học sử sau này cũng chỉ là với tư cách cha đẻ *Lục Vân Tiên*" [18, tr.602]. Chúng tôi cho rằng nhận định trên đây là không thoả đáng và khách quan. Các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu sau năm 1858 là những giá trị đỉnh cao của dòng thơ văn yêu nước cuối thế kỉ 19 và điều này đã được sự đồng thuận của giới nghiên cứu lâu nay.

Trong đời sống nghiên cứu phê bình văn học tại các đô thị miền Nam trước năm 1975 thì Thanh Lãng với *Khởi thảo văn học sử Việt Nam - Văn chương chữ Nôm* (1953), *Biểu nhất lãm văn học cận đại 1862-1945*, tập I (1958), *Bảng lược đồ văn học Việt Nam* (thượng - hạ 1967) là những công trình văn học sử có tiếng vang và có giá trị trong sự nghiệp của nhà nghiên cứu này. Trong *Bảng lược đồ văn học Việt Nam*, Thanh Lãng đã phân kì văn học theo thế hệ. Văn học Việt Nam theo quan niệm của ông gồm hai thời kì lớn: thời đại cổ điển, từ thế kỉ 13 đến giữa thế kỉ 19 và thời đại mới từ 1862 đến 1945. Theo quan niệm này thì Nguyễn Đình Chiểu có mặt cả ở hai thời đại: *cổ điển* và *mới*. Và từ cách phân

chia này, Thanh Lãng đã khảo sát tác giả Nguyễn Đình Chiểu ở hai thế hệ 1820 và 1862; Nguyễn Đình Chiểu ở thế hệ 1820 được nhìn nhận qua các tác phẩm như *Lục Vân Tiên*, *Ngư Tiều vãn đáp*, còn Nguyễn Đình Chiểu ở thế hệ 1862 là các bài thơ và văn tế, Thanh Lãng định danh Nguyễn Đình Chiểu thuộc văn chương thời thế, nhà văn đối kháng và còn là nhà đối kháng toàn diện. Khi khảo sát di sản văn chương Nguyễn Đình Chiểu, trong nhà nghiên cứu Thanh Lãng còn có một giáo dân, hơn nữa còn là một linh mục nên ông ít nhắc đến tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu* và ông viết: "... Ông tàn ác với phe địch, lắm khi bất công nữa. Đây là thái độ của Nguyễn Đình Chiểu đối với công giáo: *Dân mà mê đạo Tây rồi/ Nước người muốn lấy mấy hồi phòng lo...* Có lẽ trong số các nhà văn kháng chiến, không ai có cái giọng cứng rắn, hậm hực, tàn ác đối với thực dân cho bằng Nguyễn Đình Chiểu" [19, tr.66]. Kết luận về tác giả này, ông viết như sau: "Nguyễn Đình Chiểu là nhà văn đối kháng điển hình nhất của thời kì đối kháng toàn diện này. Đó là kết tinh của một lối sống, lối tư tưởng, lối hành động một chiều" [19, tr.72]. Đóng góp của Thanh Lãng trong phương pháp biên soạn văn học sử Việt Nam là ở công trình này.

Nhìn chung, dưới cái nhìn của Phạm Thế Ngũ và Thanh Lãng thì Nguyễn Đình Chiểu đã có một vị trí ổn định trong văn học sử Việt Nam thế kỉ XIX, dù cả hai nhà nghiên cứu này đều chịu ảnh hưởng các phương pháp nghiên cứu khoa học phương Tây - chủ yếu là các nhà văn học sử Pháp. Ở Thanh Lãng có dấu hiệu cho thấy ông đi xa hơn so với Phạm Thế Ngũ khi trong *Bảng lược đồ văn học Việt Nam* đã thấy sự ảnh hưởng của các trường phái lí thuyết mới như chủ nghĩa cấu trúc, lí thuyết tiếp nhận, văn học so sánh (như Lê Quang Tư đã từng chỉ ra). Hai công trình này là khá tiêu biểu và nổi bật nhất trong các công trình văn học sử xuất bản ở miền Nam giai

đoạn này có đề cập đến Nguyễn Đình Chiểu như một đối tượng nghiên cứu. Vì đây là các công trình cá nhân nên không có được quy mô và bề thế như các công trình văn học sử được biên soạn ở miền Bắc trong cùng thời điểm nhưng bù lại, các công trình văn học sử ở miền Nam có sự đa dạng về quan điểm đánh giá cũng như phong phú về phương pháp tiếp cận. Dù rằng trong việc nhận xét, đánh giá di sản văn chương cụ Đồ vẫn còn thiên lệch và phiến diện nhưng so với miền Bắc thì vẫn có khác và mới do bị quy định bởi một tầm đón nhận khác biệt. Cái mới và khác này là do thể chế chính trị của mỗi miền có sự khác nhau cũng như do quan điểm và nguồn gốc đào tạo và tự đào tạo của những người viết văn học sử giai đoạn này. Điều này có thể nhận ra một cách rõ rệt không chỉ ở việc bỏ qua không nghiên cứu các sáng tác có nội dung yêu nước chống Pháp của Nguyễn Đình Chiểu, những sáng tác mà các nhà nghiên cứu ở miền Bắc đặc biệt quan tâm, mà còn qua sự đánh giá trên tinh thần phê phán của họ đối với các sáng tác này. Ở miền Nam thời bấy giờ các nhà nghiên cứu văn học được tự do tiếp thu và vận dụng các phương pháp lí luận và nghiên cứu văn học hiện đại ở phương Tây, nhưng rõ ràng họ hoặc là không chấp nhận hoặc là e ngại đề cập nhiều đến những gì có liên quan đến kháng chiến, đến công thực dân trong tình hình chính trị ở các đô thị miền Nam lúc bấy giờ. Ở đây chúng ta thấy được sự khác biệt về kết quả tiếp nhận thơ văn Nguyễn Đình Chiểu ở hai miền Nam, Bắc vào thời kì 1954-1975 và trong tầm đón đợi của họ có một yếu tố chi phối rất mạnh mà chúng tôi đã nói đến ở trên.

Văn học sử thời kháng Pháp (1858-1945) (1974) của Lê Văn Siêu có lẽ là một trong những công trình cuối cùng của miền Nam trước khi giang sơn thu về một mối. Nguyễn Đình Chiểu thuộc về thời kì đầu của sách: Thời kì xâm lăng thuộc xu hướng bất cộng tác. Các tác phẩm của Nguyễn

Đình Chiểu được tác giả sách này quan niệm là tiếng nói của đạo lí. Lê Văn Siêu chỉ khảo sát các truyện thơ và đánh giá cao *Ngư Tiều y thuật vãn đáp* chủ yếu trên phương diện trí nhớ của cụ Đồ. Nhìn chung, công trình này trình bày đại khái và sơ lược về nội dung các tác phẩm, về phương pháp tiếp cận vẫn là lối biên niên tập hợp các sự kiện văn học không đem lại gì mới trong việc nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu.

Đặc điểm xuyên suốt của quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu ở cả hai miền Nam - Bắc trong giai đoạn này là nếu miền Nam là quê hương cụ Đồ nhưng việc sưu tầm, đánh giá có trách nhiệm và công phu về con người và tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu lại thuộc giới nghiên cứu miền Bắc thuộc chính thể Việt Nam dân chủ cộng hoà. Bên cạnh đó, con người và tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu thường được miền Bắc đánh giá cao tinh thần yêu nước và nhập cuộc, nói khác đi là nhìn nhận thiên về con người chức năng. Trong khi đó, miền Nam tuy cũng nói đến các nội dung trên nhưng lại khai thác một Nguyễn Đình Chiểu ẩn dật và yếm thế và thường dựa vào các tác phẩm cuối đời. Phê bình Nguyễn Đình Chiểu bị chia làm nhiều khuynh hướng, bên cạnh những cách giải thích thiên lệch, phiến diện cũng tồn tại những cách giải thích phù hợp.

3. NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU TỪ ĐIỂM NHÌN VĂN HỌC SỬ TỪ 1975 ĐẾN NAY

Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX của nhà nghiên cứu Nguyễn Lộc in lần đầu năm 1971, tái bản năm 1976, 1992, và đến năm 1999 gộp lại thành *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII - hết thế kỉ XIX* vẫn chia sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu làm hai giai đoạn: trước và sau ngày Pháp đánh Nam bộ và tương ứng với nó là *Lục Vân Tiên* và thơ văn yêu nước. Với tác phẩm *Lục Vân Tiên*, tác giả cho rằng nó đề cao nhân nghĩa và truyện này viết ra là để kể hơn là ngâm. Đồng thời, truyện kể thừa

truyền thống nói về của dân gian, ảnh hưởng mạnh của truyện Nôm bình dân hơn là truyện Nôm bác học. “Trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, lần đầu tiên người nông dân đi vào văn học một cách cụ thể với tư cách người anh hùng chống xâm lược” [13, tr.653]. Nguyễn Lộc cũng cho rằng thơ văn yêu nước đã trải qua một chặng đường phát triển từ tin tưởng hi vọng sang bi quan thất vọng. Tư tưởng bi quan, thiếu tin tưởng của ông không những thể hiện trong hình tượng, mà cả trong nhận thức duy lí [13, tr.658-660]. Nhận định tổng quát của công trình này là Nguyễn Đình Chiểu là “người mở đầu cho văn học nửa cuối thế kỉ XIX, là nhà thơ tiêu biểu nhất cho dòng văn học yêu nước chống Pháp” [13, tr.634]. Trong một chừng mực nhất định, công trình này đã trình bày về quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu, dù là bước đầu và cũng chỉ là tiếp nhận trên bình diện nghiên cứu nhưng đây là điểm mới so với các công trình văn học sử khác không chỉ trong giai đoạn này. Phần viết về Nguyễn Đình Chiểu được xem như là sự tổng kết thành tựu của quá trình nghiên cứu trước đó và mở ra một hướng đi mới. Một điều cần nói về công trình này là giáo trình dành cho sinh viên khoa Ngữ văn các trường Tổng hợp nên cách trình bày cũng có khác với sách của Sư phạm. Mục đích là đào tạo cán bộ nghiên cứu nên giáo trình này đề cập đến những vấn đề còn tranh cãi như thời điểm sáng tác các tác phẩm cụ thể, nguồn gốc truyện Tây Minh, sự vận động của tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu từ *Lục Vân Tiên* đến *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* cũng như trình bày cả một bình diện của lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu. Trong khi đó, giáo trình của sư phạm chỉ trình bày những gì đã thống nhất và đồng thuận về di sản của cụ Đồ.

Sau này, tại hội thảo về Nguyễn Đình Chiểu năm 1982, Nguyễn Lộc đã trở lại vấn đề trên với bài *Những công hiến đặc sắc của Nguyễn Đình Chiểu trong lịch sử*

văn học dân tộc. Bài viết tiếp tục khẳng định lại những gì đã viết trước đây trong *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX* như toàn bộ sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đều bằng chữ Nôm, Nguyễn Đình Chiểu không chỉ là tác giả tiêu biểu cho văn học Nam Bộ mà còn tiêu biểu cho một giai đoạn phát triển của lịch sử văn học dân tộc; người nông dân trong thơ văn yêu nước chống Pháp được thể hiện như những anh hùng dân tộc; Lục Vân Tiên là đề kê chứ không phải đề ngâm như Kiều, ở Nam bộ gọi là nói Lục Vân Tiên. Nguyễn Đình Chiểu là người đề cao đạo Nho nhưng lại là ngọn cờ đầu chống Pháp vì ông nhấn mạnh nhân nghĩa và sáng tác nó có nội dung đạo đức nhân dân rõ nét. Cái mới của bài viết là ở luận điểm ảnh hưởng của nhà văn với thời đại và các thế hệ tiếp theo là không chỉ ở tác phẩm mà còn là cuộc đời, nhân cách và Nguyễn Đình Chiểu chính là người trong số ít đó.

Ngoài ra, chúng tôi đặc biệt lưu ý đến công trình *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao sáng nhìn càng sáng* (1982, tái bản 2002). Có thể xem đây là sự tổng kết thành quả nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu của nhà nghiên cứu Lê Trí Viễn. Trước đó, năm 1962, cùng với Phan Côn, ông đã chấp bút chương về *Nguyễn Đình Chiểu trong Lịch sử văn học Việt Nam, Tập 4a*, 1858 - đầu thế kỉ XX, khảo sát qua thân thể và sự nghiệp, nội dung và tư tưởng thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, nêu bật lên tư tưởng nhân nghĩa và lòng yêu dân thiết tha. Các tác giả này chứng minh Nguyễn Đình Chiểu đã có một cái nhìn mới mẻ về người nông dân, hết sức ca ngợi các lãnh tụ nghĩa quân và triệt để chống bọn tay sai chia cắt đất nước. Sau khi chỉ ra những đóng góp của cụ Đồ, các tác giả kết luận về vị trí của Nguyễn Đình Chiểu trong văn học: “... chiếm vị trí hàng đầu trong văn học dân tộc ở giai đoạn lịch sử này” [6, tr.218]. Theo chúng tôi, cái mới nhất của công trình này là ở đoạn sau: “Phương pháp nghiên cứu

lâu nay mới quan tâm đến khâu cuộc sống - tác giả - tác phẩm, còn khâu tác phẩm cuộc sống chỉ mới đề cập qua. Trong vòng đời một áng văn, đó là một giai đoạn có lẽ quan trọng bậc nhất, lí do tồn tại của nó là ở đây, nó đóng góp được gì cho cuộc sống là ở đây” [6, tr.211]. Đây là một quan điểm khá mới trong góc nhìn văn học sử về Nguyễn Đình Chiểu. Ông yêu cầu, đề xuất nhìn nhận sáng tác của nhà thơ này trong số phận lịch sử của nó. Nó mới so với những người cùng thời đã đành mà còn là một nỗ lực với chính những gì đã viết về Nguyễn Đình Chiểu trước đó trong *Lịch sử văn học Việt Nam, Tập 4a*, in lần đầu năm 1962, sau năm 1975 vẫn được tái bản và sử dụng trong các trường Sư phạm. Bên cạnh một giọng văn mượt mà đầy cảm xúc và cảm thụ khá tinh tế về văn chương Nguyễn Đình Chiểu thì ở điểm vừa trình bày còn cho thấy nhà nghiên cứu ông - qua công trình này khá nhạy bén với lối tiếp cận tác phẩm từ phía người đọc, hay nói cách khác là phải có cả lịch sử những cách đọc và số phận tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu qua những cách đọc đó.

Nhìn Nguyễn Đình Chiểu theo hướng văn học sử còn có thể kể đến ý kiến của Trịnh Thu Tiết trong việc khẳng định *Vị trí Nguyễn Đình Chiểu trong văn học cận đại Nam Bộ*, qua các bình diện được khảo sát là ngôn ngữ, tính hiện thực, nhân vật và tính cách nhân vật và sự ảnh hưởng của nó, nhất là hình tượng người nông dân trong *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc*: “... là một bước phát triển đột xuất, một thành tựu vượt bậc, không chỉ riêng thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, của riêng văn học Nam bộ mà của cả văn học dân tộc nói chung” (Trịnh Thu Tiết, 1982, trang 219). Các ý kiến này đã được tái khẳng định trong mục từ Nguyễn Đình Chiểu trong *Từ điển tác giả tác phẩm văn học Việt Nam dùng cho nhà trường* 2004.

Cùng một hướng tiếp cận nhưng Lê Ngọc Trà chỉ ra sự đóng góp của Nguyễn

Đình Chiểu trong sự vận động của văn chương Việt Nam cận đại; lập trường của Nguyễn Đình Chiểu từ thiên về đạo đức chuyên hần sang chính trị yêu nước, gắn yêu nước với thương dân, từ quan niệm về dân chung chung đến quan niệm cụ thể là nhân dân lao động, từ người anh hùng quân tử đến người anh hùng nông dân, từ phi thường chuyển sang bình thường: “Ý thức nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu đã phát triển một bước quan trọng” (Lê Ngọc Trà, 1982, trang 368). Đề cập đến tính cụ thể của ngôn ngữ nghệ thuật trong các tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu, bài viết cho rằng đây là sự gặp gỡ của hai xu hướng dòng văn hoá dân gian đang vươn lên tiếp cận với văn chương chuyên nghiệp và dòng văn chương chuyên nghiệp đang trở về gần bó với dân gian, với đời sống; Nguyễn Đình Chiểu là một kiểu nhà thơ - chiến sĩ và sáng tác của ông mang tính chất của một hiện tượng chuyên tiếp.

Như vậy có thể nhận thấy là từ sau ngày thống nhất đất nước, với sự sụp đổ của thể chế Việt Nam cộng hòa thì hệ thống học thuật ở đây cũng cùng chung số phận. Việc các bộ giáo trình lịch sử văn học Việt Nam của miền Bắc trước đây được tái bản, bổ sung và phổ biến trên phạm vi cả nước đã cho thấy sự thống nhất về phương pháp xã hội học mácxít trong quá trình nghiên cứu lịch sử văn học. Các công trình này đã góp phần tạo nên và quy định một tâm đón nhận mới cho công chúng vào thời điểm những năm 1975-1986. Một đặc điểm khác cũng góp phần quy định tâm đón nhận này là các nhà văn học sử ở Việt Nam phần lớn là nhà giáo nên các công trình do họ biên soạn bị quy định bởi mục đích và đối tượng giảng dạy - mà tiêu biểu và đầu tiên là Dương Quảng Hàm với *Việt Nam văn học sử yếu*. Nhưng cũng chính ở điểm này, sức lan tỏa của các luận điểm và ý tưởng khoa học lại có cơ hội phổ biến hơn so với các bộ văn học sử thiên về hàn lâm phục vụ một số ít các nhà

ngiên cứu.

Bài viết *Những đặc điểm mang tính quy luật của sự phát triển văn học nhìn nhận qua sáng tác của một tác giả* của nhà nghiên cứu Trần Ngọc Vương sau khi trình bày khái quát về những hạn chế của quá trình nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu thời gian qua, cho rằng đã đến lúc phải đặt ông trong tiến trình phát triển văn học dân tộc, xác định mối quan hệ giữa cuộc đời và tác phẩm với những gì xảy ra trước và sau đó, phải sử dụng những tiêu chí đặc trưng của văn học để phân tích lí giải, xét đoán về ông với tư cách tác giả văn học, chứ không phải như một chiến sĩ ái quốc lấy ngòi bút làm vũ khí, lấy văn học làm trận địa (Trần Ngọc Vương, 1999, trang 285). Tác giả nêu lên những đóng góp quan trọng của Nguyễn Đình Chiểu về hệ thống chủ đề đề tài, hình tượng văn học cơ bản, thể loại trong quá trình phát triển văn học Nam Bộ và văn học dân tộc. Theo Trần Ngọc Vương thì chủ đề quán xuyên toàn bộ sáng tác Nguyễn Đình Chiểu là chủ đề bảo vệ và thực hành Nho giáo. Nguyễn Đình Chiểu chú ý đến những con người bình thường và đó là bước đột biến trong sự phát triển của văn học dân tộc: “ Ông trở thành người mở đầu cho trào lưu văn học chống ngoại xâm, giành độc lập dân tộc, nhân danh toàn bộ dân tộc chứ không nhân danh một bộ phận, một thiểu số nào” [20.tr.292]. Hình tượng văn học cơ bản của Nguyễn Đình Chiểu là mẫu người trung nghĩa kết hợp với mẫu người anh hùng. Với việc sáng tác ra hình tượng người anh hùng vô danh đại diện cho dân tộc, ông lại là người mở đầu và đứng ở vị trí tiên phong của trào lưu văn học chống ngoại xâm. Hệ thống thể loại mà Nguyễn Đình Chiểu có đóng góp là truyện Nôm và văn tế. Đây là bài viết có nhiều luận điểm và ý tưởng mới, sử dụng triệt để và nhất quán phương pháp loại hình và hệ thống như khi giả thuyết đặt Nguyễn Đình Chiểu trong cái nhìn so sánh và hệ thống của văn học chống chủ nghĩa thực dân,

chống chủ nghĩa đế quốc thì ông sẽ được ghi nhận như một tên tuổi có nhiều cống hiến. Tiểu luận cũng thẳng thắn chỉ ra về lí tưởng thẩm mỹ qua thái độ của Nguyễn Đình Chiểu với văn chương là không có gì mới lạ so với những nhà nho cùng thời và trước ông. Trần Ngọc Vương cũng cho rằng *Dương Từ - Hà Mậu* là tác phẩm xếp vào hàng yếu kém, ít có giá trị về mọi mặt (trang 288). Bài viết này được viết ra nhân dịp 100 năm ngày mất cụ Đồ (1988) nhưng đến năm 1992 mới công bố rút gọn trên *Tạp chí Văn học* và in toàn văn trong *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung* (1997). Cũng như Trần Đình Hượu, bài viết của Trần Ngọc Vương đã thể hiện tầm mức chiến lược trong tư tưởng, trong cách nhìn và đặt vấn đề như Trần Nho Thìn (2001) đã có lần nhận xét.

Gần đây, Nguyễn.Q.Thắng trở lại với Nguyễn Đình Chiểu qua bộ *Văn học Việt Nam nơi miền đất mới* (4 tập, 2007-2008). Nhà nghiên cứu xếp các tác giả theo tiêu chí biên niên, không theo chủ đề hoặc khuynh hướng sáng tác. Sách mở đầu với tác giả Dương Văn An ở Tập 1 và kết thúc với Từ Kế Tường Tập 4. Bộ sách xếp Nguyễn Đình Chiểu vào Tập 1, chương IV. *Các danh gia thời tao loạn*, với tiêu đề *Nguyễn Đình Chiểu nhà thơ thất minh Nam kì*. Công trình đề cập về Nguyễn Đình Chiểu hết sức sơ lược, giới thiệu về con người và cuộc đời qua một tiểu truyện và trích dẫn bài thơ *Chạy giặc (Tây)* và 2 bài *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc*, *Tế lục tinh sĩ dân trận vong văn*. Công trình này là sự mở rộng và bổ sung *Tiến trình văn nghệ miền Nam* (1990-1998) của chính tác giả trước đó. Theo những tiêu chí nghiêm ngặt thì công trình này chưa thể gọi là một bộ văn học sử mà chỉ là một số tư liệu về văn học sử miền Nam mà thôi. Cùng một hướng này còn có *Lược khảo lịch sử văn học Việt Nam từ khởi thủy đến cuối thế kỉ 20* (2005) của Bùi Đức Tịnh.

Một số công trình văn học sử về văn học Việt Nam cuối thế kỉ XIX hay toàn bộ tiến trình văn học Việt Nam xuất bản trong giai đoạn này của các tác giả Nguyễn Phong Nam (1998), Nguyễn Phạm Hùng (1999) đều đánh giá về văn nghiệp và cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu tương đối thống nhất và đồng thuận. Những chủ thể này đã bộc lộ thiên hướng và tài năng cá nhân với những sắc thái khác biệt. Nếu Nguyễn Phong Nam nhìn thiên về thi pháp thì Nguyễn Phạm Hùng lại nhìn từ thể loại. Chính sự đa dạng về cách tiếp cận này lại làm phong phú thêm lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu nhất là từ góc nhìn lịch sử văn học.

Nhà Việt Nam học người Nga N.I.Nikulin trong hai công trình *Văn học Việt Nam (sơ thảo)* (1970) và *Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX* (1976) đã đề cập đến Nguyễn Đình Chiểu như một tác giả tiêu biểu của văn học yêu nước nửa cuối thế kỉ XIX. Hai công trình này mãi đến 2007 mới được dịch và công bố rộng rãi tại Việt Nam. Đối với các nhà nghiên cứu nước ngoài như trường hợp này thì nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu là để tiếp cận vào nền văn hoá văn học Việt Nam, hiểu về sức mạnh của dân tộc Việt Nam.

Riêng *Văn học miền Nam lục tinh* của Nguyễn Văn Hàu cho đến 2012 in được 3 cuốn và vẫn còn tiếp tục. Nguyễn Đình Chiểu thuộc phạm vi khảo sát của tập ba *Văn học Hán Nôm thời kháng Pháp và thuộc Pháp*, được nghiên cứu các mục: tiểu sử, tác phẩm, văn chương, nhận xét và trích tuyên thơ văn. Bộ sách này đánh giá khá cao con người và văn chương cụ Đồ. Ông cho rằng: “Nhận xét văn chương Nguyễn Đình Chiểu nếu chỉ dựa vào *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* thì quả là một thiếu sót lớn nếu không nói là đặc tội: tội nhìn ông phiến diện. Văn chương ông tuôn trào mãnh liệt qua những nhiệt hứng ùn ục trong lòng, phải nói rằng nó nằm trong những bài văn tế và trong

những bài thơ luật *sái luy anh hùng* của ông” [16,tr.95-96]. Nhà nghiên cứu này khẳng định bộ phận thơ văn yêu nước mà ông gọi là văn chương đối kháng “đã biểu lộ một tài năng xuất sắc với hết cả hai mặt là bóc lột lẫn tu từ” [16,tr.97]. Về sắc thái địa phương trong văn chương cũng như sự yêu thích của độc giả mọi tầng lớp nhân dân dành cho cụ Đồ, nhà nghiên cứu nhận xét như sau: “Tác giả là người Nam kì, tất nhiên bản chất văn chương được xây dựng trên căn gốc đó. Từ cảnh vật, cảm tình, lời lẽ, tác giả đều mượn, nghĩ và nói trên cung cách miền Nam” [16,tr.100]. Nguyễn Văn Hàu nhận xét về tính chất địa phương đặc trưng trong văn chương cụ Đồ và đến lượt mình, cách dùng từ và giọng văn nghiên cứu của ông vẫn bị quy định bởi sắc thái này. Mức độ cập nhật tư liệu dùng làm cơ sở nghiên cứu trong bộ sách này nói chung và phần tư liệu về Nguyễn Đình Chiểu trong Tập ba nói riêng đều dừng lại ở trước 1975, nhưng những tư liệu đưa ra là chính xác và khách quan nên có sức thuyết phục. Bên cạnh đó, về quan niệm biên soạn, phương pháp trình bày, quan niệm về văn học và văn học sử là có chung cái nhìn với các nhà văn học sử miền Nam trước đây như Thanh Lăng, Phạm Thế Ngũ. Đó là công trình bao quát từ văn học dân gian đến hiện đại nhưng do cá nhân thực hiện và chịu ảnh hưởng của các phương pháp nghiên cứu phương Tây như chú trọng đến văn bản, sử dụng phương pháp thực chứng. Biên soạn và đánh giá về tác giả và tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu nói riêng và các tác giả khác của Nguyễn Văn Hàu trong *Văn học Nam kì lục tinh* là có nét khác biệt so với các bộ văn học sử do miền Bắc tiến hành trước đây và cả gần đây. Điểm khác là mở rộng phạm vi khảo sát- đánh giá sang các tác giả mà trước đây vẫn còn bị nghi kị và dè dặt như Tôn Thọ Tường, Phan Thanh Giản.

Quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu sau năm 1975 còn do sự thuận lợi

của việc tiếp cận tư liệu về nhà thơ cũng như sự trưởng thành và không ngừng lớn mạnh của đội ngũ các nhà khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, trong đó phương pháp liên ngành được áp dụng và mang lại những thành công nhất định đã tạo nên một mặt bằng mới cho các phương hướng tiếp cận di sản Nguyễn Đình Chiểu. Thành tựu từ các khoa học lân cận như khoa học lịch sử đã làm sáng tỏ một vài phương diện liên quan đến cuộc đời nhà thơ như Nguyễn Đình Chiểu ra Huế thi Hương hay thi Hội, Nguyễn Thị Chân Quỳnh đã có câu trả lời chính xác là thi Hội (xem thêm *Lối xưa xe ngựa*, 1995) hay những nghiên cứu về lịch sử tư tưởng của Cao Tự Thanh qua công trình *Nho giáo ở Gia Định* (1988, 1996, 2010) qua cứ liệu tác phẩm Lục Vân Tiên đã phát hiện ra một kiểu nhà nho thương nghiệp qua hình tượng ông Quán; hay về nhân vật lịch sử Trương Định đã được minh xác qua sách *Khởi nghĩa Trương Định* của hai tác giả Nguyễn Phan Quang và Lê Hữu Phước 2001... đã và sẽ làm những tư liệu khả tín cho những công trình văn học sử về văn học Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX đang và sẽ tiến hành trong tương lai gần. Cần nói rõ hơn là bối cảnh xã hội học thuật có nhiều thay đổi cũng đã tác động nhiều đến tâm đón nhận của người đọc giai đoạn này. Nếu như trước kia, hệ thống nhân vật phản diện trong Lục Vân Tiên mà một trong những nhân vật tiêu biểu là Võ Thế Loan được Ái Lan chiêu tuyết gặp phải phản ứng thì giờ đây, cũng

trên tinh thần ấy, Bùi Văn Tiêng đã có cái nhìn mới, cảm thông sâu sắc hơn về nhân vật Bùi Kiệm nhưng lại không gặp phản ứng gì thái quá từ phía những người đọc khác về cách đọc này.

Có thể sơ bộ nhận xét rằng trong lịch trình nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu thì giai đoạn sau 1975 là có nhiều thành tựu nhất từ tư liệu cho đến đội ngũ các nhà nghiên cứu và liên kết là sự phong phú của các phương pháp tiếp cận. Từ sau ngày thống nhất đất nước, việc nghiên cứu, phê bình tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu có những thay đổi lớn do những thuận lợi trong việc tiếp cận, sưu tầm tác phẩm và tập hợp tư liệu. Sau năm 1986, thành tựu của khoa học văn học được du nhập và vận dụng phổ biến đem lại những cái nhìn mới và góp thêm những tiếng nói phong phú, đa dạng về những di sản mà cụ Đồ để lại. Nhìn Nguyễn Đình Chiểu từ góc nhìn văn học sử cho thấy quá trình phát triển của bộ môn này và vị trí của nó trong tiến trình ấy, mà tiêu biểu là công trình của Nguyễn Lộc đã bước đầu nhìn Nguyễn Đình Chiểu từ góc nhìn của lịch sử tiếp nhận dù chỉ là bước đầu. Từ những thành tựu đã đạt được cho phép nghĩ rằng trong tương lai gần khi có một bộ văn học sử mới về văn học Việt Nam thì bên cạnh lịch sử tác giả, tác phẩm sẽ có lịch sử người đọc. Đồng thời, hướng nghiên cứu này đã thể hiện bản lĩnh của các chủ thể nghiên cứu, đã góp phần tạo ra một góc nhìn mới, làm phong phú thêm nội dung các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Đức Tịnh (2005), *Lược khảo lịch sử văn học Việt Nam từ khởi thủy đến cuối thế kỷ 20*, Nxb Văn nghệ.
2. Dương Quảng Hàm (1968), *Việt Nam văn học sử yếu*, Sài Gòn, Bộ Giáo dục - Trung tâm học liệu xuất bản.
3. Hà Như Chi (2000), *Việt Nam thi văn giảng luận*, Hà Nội: Nxb Văn hoá Thông tin.
4. Huỳnh Vân (2010), "*Hans Robert Jauss: Lịch sử văn học là lịch sử tiếp nhận*", Nghiên cứu Văn học, Hà Nội, số 3, trang 36-58.

5. Lê Quang Tư (2009), "Một thế kỷ nghiên cứu lịch sử văn học Việt Nam", *Luận án tiến sĩ Ngữ văn*, Hà Nội, Viện Văn học.
6. Lê Trí Viễn và tác giả khác (1978), *Lịch sử văn học Việt Nam*, tập 4A, Hà Nội, Nxb Giáo dục.
7. Lê Văn Siêu (1974), *Văn học sử thời kháng Pháp*, Sài Gòn, Trí Đăng.
8. Nhiều tác giả (1973), *Nguyễn Đình Chiểu tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội.
9. Nhiều tác giả (1982), *Kỷ yếu Hội nghị khoa học về Nguyễn Đình Chiểu nhân kỷ niệm lần thứ 160 ngày sinh của nhà thơ (1822 - 1982)*, tổ chức tại Bến Tre từ ngày 29-30/6/1982.
10. Nhiều tác giả (2001), *Văn học sử những quan niệm mới những tiếp cận mới*, Hà Nội, Thông tin khoa học xã hội - chuyên đề.
11. N.I.Nikulín (2010), *Lịch sử văn học Việt Nam*, Nxb Văn học- Trung tâm nghiên cứu Quốc học, Nhiều người dịch.
12. Nghiêm Toàn (1968), *Việt Nam văn học sử trích yếu*, Sài Gòn, Nhà sách Khai Trí.
13. Nguyễn Lộc (1999), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII- hết thế kỷ XIX*, Hà Nội, Nxb Giáo dục.
14. Nguyễn Q.Thắng (2007), *Văn học Việt Nam nơi miền đất mới*, tập1, Hà Nội, Nxb Văn học.
15. Nguyễn Tường Phượng - Bùi Hữu Sung (1952), *Văn học sử Việt Nam hậu bán thế kỷ thứ XIX* Hà Nội, Trường Nguyễn Khuyến phát hành.
16. Nguyễn Văn Hậu (2012), *Văn học miền Nam lục tỉnh*, tập ba *Văn học Hán Nôm thời kháng Pháp và thuộc Pháp*, Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.
17. Phan Trần Chúc (1960), *Văn chương quốc âm thế kỷ XIX*, Sài Gòn, Nhà sách Khai Trí.
18. Phạm Thế Ngũ (1996), *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên. Tập II-III, Văn học hiện đại 1862-1945*, Đồng Tháp, Nxb Đồng Tháp.
19. Thanh Lăng (1967), *Bảng lược đồ văn học Việt Nam, quyển hạ - Ba thế hệ của nền văn học mới (1862-1945)*, Sài Gòn, Nxb Trình bày.
20. Trần Ngọc Vương (1999), *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung*, Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
21. Văn Tân- Nguyễn Hồng Phong (1963), *Lịch sử văn học Việt Nam (sơ giản)*, Hà Nội, Nxb Khoa học - Ủy ban Khoa học Nhà nước.
22. Viện Văn học (1964), *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX*, Hà Nội, Nxb Văn học.
23. Vũ Đình Liên và tác giả khác (1957), *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam - từ thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XIX*, tập II, Hà Nội, Nxb Xây dựng.
24. Vũ Đình Liên và tác giả khác (1957), *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam - từ giữa thế kỷ XIX đến 1945*, tập III, Hà Nội, Nxb Xây dựng.

* Ngày nhận bài: 7/11/2013. Biên tập xong: 19/2/2014. Duyệt đăng: 24/2/2014.